

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/KDTM- ST
Ngày 11-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng thi
công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn và ông Trịnh Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 và ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 67/2024/TLST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Q; địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Bùi Thị Thảo T, sinh năm 1987 và ông Trần Văn H, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Phường Đ, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần L5; địa chỉ: Khu phố Đ3 phường B, thành phố K, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người làm chứng: Ông Trương Văn Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường H thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng và thương mại Q trình bày:

Ngày 06/8/2020 Công ty Cổ phần L5 (gọi tắt Công ty L 5) và Công ty TNHH XD và TM Q (gọi tắt Công ty Q) ký hợp đồng kinh tế số 2020-0608/HĐKT/CH-SP1B/CBM-TQC về việc thi công chống thấm công trình Clubhouse - Swanpark 1B tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 624.836.795 đồng (đã bao gồm VAT 10%).

Ngày 21/08/2020, Công ty Q bắt đầu tiến hành thi công tại công trình và đến cuối năm 2020 là hoàn thành công việc. Tổng giá trị thực hiện 534.319.928 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Công ty Q đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị 534.319.928 đồng cụ thể như sau: Hóa đơn số 0000782 ngày 14/11/2020 số tiền 205.475.491 đồng; Hóa đơn số 0000801 ngày 30/11/2020 số tiền 296.394.060 đồng; Hóa đơn số 0000932 ngày 02/02/2021 số tiền 32.450.377 đồng và Công ty Q đã hoàn thành các nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước trên tổng số tiền xuất hoá đơn.

Công ty L5 đã thanh toán cho Công ty Q tổng số tiền 489.505.017 đồng gồm: Ngày 20/08/2020 thanh toán số tiền 85.205.017 đồng; Ngày 27/11/2020 thanh toán số tiền 164.300.000 đồng; Ngày 29/12/2020 thanh toán số tiền 150.000.000 đồng; Ngày 05/02/2021 thanh toán số tiền 80.000.000 đồng; Ngày 17/05/2021 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng. Còn lại 44.814.911 đồng (số tiền này bao gồm 01 phần của giá trị đợt quyết toán là 18.098.915 đồng và 5% tiền bảo hành công trình là 26.715.996 đồng) đến nay Công ty Xây Lắp 5 vẫn chưa thanh toán cho Công ty Q mặc dù Công ty Q đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại, zalo yêu cầu Công ty L5 thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty L5 có ứng trước chi phí đóng bảo hiểm, giấy khám sức khỏe, thẻ an toàn cho nhân viên Công ty Q với số tiền 520.000 đồng, Công ty Q đồng ý thanh toán cho Công ty L5 số tiền trên khấu trừ vào số tiền Công ty L5 còn nợ Công ty Q. Như vậy, Công ty Q còn nợ Công ty L5 là 44.814.911 đồng – 520.000 đồng = 44.294.911 đồng.

Công ty Q khởi kiện yêu cầu Công ty L5 trả số tiền còn nợ là 44.294.911 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính kể từ ngày 03/3/2021 đến 11/9/2024 là 03 năm 06 tháng 08 ngày với lãi suất 10%/năm (44.294.911 đồng x 03 năm 06 tháng 08 ngày x 10%/năm) = 15.598.896 đồng. Như vậy tổng số tiền Công ty Q yêu cầu Công ty L5 trả là 59.893.807 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện của Công ty Q xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5% tiền giữ lại để đảm bảo bảo hành công trình là 26.715.996 đồng; chỉ yêu cầu Công ty L5 thanh toán số tiền 01 phần của giá trị đợt quyết toán là 17.578.914 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính kể từ ngày 03/3/2021 đến 11/9/2024 là 03 năm 06 tháng 08 ngày với lãi suất 10%/năm: (17.578.914 đồng x 03 năm 06 tháng 08 ngày x 10%/năm) = 6.190.590 đồng. Như vậy tổng số tiền Công ty Q yêu cầu Công ty L5 trả là 23.769.504 đồng.

Đối với các lý do Công ty L5 đưa ra để không phải thanh toán tiền cho Công ty Q thì Công ty Q không đồng ý vì mỗi lần Công ty L5 báo với Công ty Q có thẩm đột, Công ty Q đều cho người xuống kiểm tra và xác định không thuộc hạng mục bảo hành của phía Công ty Q, Công ty Q đã gửi hồ sơ quyết toán cho Công ty L5 nhưng Công ty L5 không xác nhận và không trả lại hồ sơ quyết toán cho Công ty Q, vì vậy hai bên không thể ký biên bản nghiệm thu công trình, hoàn thành quyết toán để bên Công ty Q có thể phát hành chứng thư bảo hành cho Công ty L5. Mặc dù hiện nay hai bên đang tranh chấp nhưng Công ty Q vẫn giữ nguyên quan điểm bảo hành công trình thi công cho Công ty L5 trong thời hạn 10 năm như hợp đồng đã ký.

Tại bản tự khai ngày 16/7/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Công ty Cổ phần L5 trình bày:

Thông nhất với Công ty Q về việc hai bên ký kết Hợp đồng kinh tế số 2020-0608/HĐKT/CH-SP1B/CBM-TQC ngày 06/08/2020, nội dung hợp đồng, giá trị hợp

đồng tạm tính, tổng giá trị thực hiện. Đến hiện nay hai bên vẫn chưa có biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành và quyết toán. Công ty L5 đã thanh toán cho Công ty Q số tiền 489.505.017 đồng, giá trị chưa thanh toán theo hoá đơn bên Công ty L5 xuất là 44.814.911 đồng và đây chỉ là số tiền tạm tính.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty L5 có ứng trước chi phí đóng bảo hiểm, giấy khám sức khoẻ, thẻ an toàn cho nhân viên Công ty Q với số tiền 520.000 đồng, Công ty Q vẫn chưa thanh toán cho Công ty L5.

Hiện Công ty L5 chưa thanh toán cho Công ty Q vì các lý do sau: Bên Công ty Q không thực hiện nghĩa vụ bảo hành cho Công ty L5 theo Điều 5.4, Điều 9 của Hợp đồng kinh tế. Công ty L5 còn phải bỏ ra số tiền lớn hơn số tiền 5% chưa thanh toán cho Công ty Q để khắc phục hư hại do lỗi của Công ty Q. Hai bên vẫn chưa có biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành và chưa ký hồ sơ quyết toán vì vậy chưa thể chốt được khối lượng thi công, số tiền chính xác bên Công ty L5 phải thanh toán cho Công ty Q là bao nhiêu. Vì vậy Công ty L5 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Q. Về việc bảo hành công trình 10 năm, Công ty L5 vẫn thống nhất theo bảo hành như hợp đồng ký kết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2024, người làm chứng ông Trương Văn Q trình bày:*

Công ty Q là nhà thầu phụ thi công với Công ty L5 để thi công hạng mục chống thấm cho công trình CLUBHOUSE-SWANPARK IB ở xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Ông Q là người trực tiếp cùng với các nhân viên công ty thi công công trình này. Sau khi thi công xong, các bên nghiệm thu, sau khi sử dụng một thời gian thì phía Công ty L5 có điện thoại, nhắn tin tương tác qua Zalo với ông Q để nghị phía Công ty Q xuống khảo sát về việc xử lý chống thấm. Mỗi lần Công ty L5 báo, Công ty Q vẫn xuống xử lý, kiểm tra chống thấm theo yêu cầu.

- *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:*

Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 26.715.996 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút. Nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền 17.578.914 đồng và lãi chậm trả là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn công ty TNHH Xây Dựng Q khởi kiện yêu cầu giải quyết “Tranh chấp hợp đồng thi công” đối với bị đơn Công ty Cổ phần L5, tại thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý vụ án Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số khu phố Đ3, phường B, thành phố K, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung khởi kiện: Giữa Công ty Q với Công ty L5 có ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 2020-0608/HĐKT/CH-SP1B/CBM-TQC ngày 06/08/2020. Theo đó, bên Công ty Q có trách nhiệm thi công chống thấm công trình Clubhouse- Swanpark 1B tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho Công ty L5 với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 624.836.795 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Hợp đồng được giao

kết giữa những người có thẩm quyền ký và đóng dấu của công ty. Như vậy, hợp đồng ký kết một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, bắt buộc các bên tôn trọng thực hiện theo quy định Điều 11 Luật Thương mại.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 44.294.911 đồng. Số tiền này bao gồm hai phần, 01 phần của giá trị đợt quyết toán là 17.578.914 đồng (đã trừ đi số tiền 520.000 đồng bị đơn tạm ứng cho nguyên đơn) và 5% tiền bảo hành công trình là 26.715.996 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 26.715.996 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 17.578.914 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3.1] Tại phiên Tòa các đương sự thừa nhận cuối năm 2020 Công ty Q đã hoàn thành công việc tuy nhiên hai bên vẫn chưa tiến hành ký biên bản quyết toán và biên bản nghiệm thu công trình. Tổng giá trị thực hiện: 534.319.928 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Công ty L5 đã thanh toán cho Công ty Q các đợt với tổng số tiền 489.505.017 đồng. Còn lại số tiền 44.814.911 đồng đến nay Công ty L5 vẫn chưa thanh toán cho Công ty Q. Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty L5 có ứng trước chi phí đóng bảo hiểm, giấy khám sức khỏe, thẻ an toàn cho phía Công ty Q với số tiền 520.000 đồng, Công ty Q chưa thanh toán cho Công ty L5. Nội dung thừa nhận trên của các đương sự là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Bị đơn cho rằng nguyên đơn và bị đơn chưa ký biên bản nghiệm thu công trình và ký hồ sơ quyết toán. Số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn chỉ là tiền tạm tính ứng trước để nguyên đơn có chi phí để thực hiện hợp đồng nên không đồng ý thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn do hai bên chưa quyết toán, chưa thể biết được khối lượng thi công, số tiền chính xác thực hiện hợp đồng là bao nhiêu. Nguyên đơn cho rằng việc hai bên chưa thể tiến hành ký biên bản nghiệm thu công trình, chưa quyết toán hợp đồng là do lỗi của bị đơn. Nguyên đơn đã gửi hồ sơ quyết toán cho bị đơn nhưng phía bị đơn không trả lại hồ sơ cho nguyên đơn, vì vậy hai bên vẫn chưa có chứng từ quyết toán, hiện tại nguyên đơn không có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh đã gửi hồ sơ quyết toán cho bị đơn tuy nhiên nguyên đơn khẳng định phía bị đơn đã nhận được hồ sơ quyết toán vì số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là dựa trên hồ sơ quyết toán nguyên đơn đã gửi.

[4] Xét, tuy hai bên vẫn chưa ký biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành và hồ sơ quyết toán, bị đơn không thừa nhận đã nhận được hồ sơ yêu cầu quyết toán của nguyên đơn nhưng căn cứ vào bảng tổng hợp giá trị thanh toán đợt 1, đợt 2, trong đó bảng tổng hợp giá trị thanh toán đợt 1 có chữ ký và đóng dấu của hai phía công ty, bảng tổng hợp giá trị thanh toán đợt 2 tuy chưa được đóng dấu phía Công ty L5 nhưng có chữ ký xác nhận của nhân viên Công ty L5 là ông Trần Thanh Tuấn thì khối lượng thi công, giá trị thi công tương ứng với các Hóa đơn số 0000782 ngày 14/11/2020 và Hóa đơn số 0000801 ngày 30/11/2020 mà nguyên đơn xuất cho bị đơn. Bảng tổng hợp giá trị quyết toán nguyên đơn cung cấp tuy không có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Công ty L5 tuy nhiên phù hợp với Hóa đơn số 0000932 ngày 02/02/2021. Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định nguyên đơn đã gửi hồ sơ yêu cầu quyết toán cho bị đơn vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 17.578.914 đồng là 01 phần của giá trị đợt quyết toán

thuộc 95% giá trị quyết toán sau khi hoàn thành công việc theo mục 5.3 Điều 5 của Hợp đồng là có căn cứ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng, chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 03/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/9/2024 (03 năm 6 tháng 8 ngày). Hợp đồng kinh tế số 2020-0608/HĐKT/CH-SP1B/CBM-TQC ngày 06/8/2020 không quy định lãi suất chậm thanh toán, Công ty Q yêu cầu Công ty L5 trả số tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với mức lãi suất trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng đang áp dụng tại địa bàn thành phố Dĩ An (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Sóng Thần, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và có lợi cho bị đơn Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi chậm thanh toán được tính như sau $17.578.914 \text{ đồng} \times 03 \text{ năm} 06 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 6.190.590 \text{ đồng}$.

[5]. Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty L5 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 85, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 92, 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần rút đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Q về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L5 trả số tiền 26.715.996 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng và thương mại Q đối với bị đơn Công ty Cổ phần L5 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Công ty Cổ phần L5 phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại Q số tiền 23.769.504 đồng. Trong đó bao gồm 17.578.914 đồng là 01 phần của giá trị đợt quyết toán và 6.190.590 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần L5 phải chịu 3.000.000 đồng. Trả lại cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại Q 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004959 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh